TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 - 2019
V/v ly hôn giữa Chị Phạm Thị L
và anh Đỗ Văn Nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L- Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn N- Sinh năm 1986.

Địa chỉ: xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị L xin vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2019, bản tự khai đề ngày 29/3/2019, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị kết hôn với Anh Đỗ Văn N năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh chị sống với nhau chỉ được 01 tháng rồi ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N .

Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 18/8/2014. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Anh N nhưng Anh N không đến Toà án để làm việc. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành về địa phương để xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N ngày 16/5/2019, địa phương cung cấp: Về thời gian và điều kiện kết hôn của chị L, Anh N phù hợp với lời khai của chị L. Sau khi kết hôn chị L và Anh N không tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, không chung sống với nhau do gia đình Anh N không đồng ý cho Anh N kết hôn với chị L. Trên thực tế, chị L không về nhà Anh N sống ngày nào, Anh N hiện đang chung sống với người phụ nữ khác. Sau khi Tòa án thụ lý đơn ly hôn của chị L, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh N hân, Anh N biết được việc chị L xin ly hôn nhưng Anh N không hợp tác làm việc. Trưởng thôn P và Cán bộ tư pháp UBND xã Y đã gọi điện thoại cho Anh N để thông báo nội dung làm việc mà Tòa án yêu cầu, Anh N hẹn đến Tòa án, đến trụ sở UBND xã để giải quyết nhưng tới giờ làm việc lại tránh mặt.

Về con chung: Chị L, Anh N có một con chung sinh năm 2014, địa phương không nắm được tên tuổi đầy đủ và ngày tháng năm sinh của con chung chị L, anh N.

Địa phương có quan điểm chị L không về nhà Anh N sống ngày nào, Anh N hiện đang chung sống với người phụ nữ khác cùng xã Y và đã có với nhau 02 con chung trong khi Anh N đã đăng kí kết hôn với chị L. Mặc dù chị L, Anh N không

sống chung với nhau ngày nào nhưng vì chưa giải quyết việc ly hôn với chị L nên Anh N có thái độ né tránh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng Anh N không có mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin vắng mặt, Anh N đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, Anh N chấp hành chưa tốt cố tình vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lựu.

Về con chung: Đề nghị áp dụng điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Anh T, sinh ngày 18/8/2014 cho chị L nuôi dưỡng, Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Các vấn đề khác có liên quan: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Chị L có nghĩa vụ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đỗ Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị L, Anh N được xác lập vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Thực tế sau khi kết hôn chị L, Anh N không chung sống với nhau do gia đình Anh N không đồng ý cuộc hôn nhân, Anh N hiện đang chung sống với người phụ nữ khác và đã có con. Hội đồng xét xử xét thấy anh chị ly thân đã lâu, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho chị L, Anh N ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L, Anh N có 01 con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 18/8/2014. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thư còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm chăm sóc của chị mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 18/8/2014 cho chị L nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị L phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001082, ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị L, Anh N được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã L: 01 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thị Ngọc Bích